

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015

Hà Nội, tháng 3/2016

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung	3
1.	Thông tin khái quát	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.1.	<i>Cơ cấu bộ máy quản lý</i>	5
4.2.	<i>Các công ty con, công ty liên kết:</i>	8
5.	Định hướng phát triển.....	8
6.	Các rủi ro	9
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	10
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	10
2.	Tổ chức và nhân sự	11
2.1.	<i>Danh sách Ban điều hành</i>	11
2.2.	<i>Những thay đổi trong ban điều hành</i>	19
2.3.	<i>Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.</i>	19
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	20
4.	Tình hình tài chính	20
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Cổ phần.....	21
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	21
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	21
2.	Tình hình tài chính	22
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	23
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	23
5.	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)	24
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	24
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	24
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	25
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	25
V.	Quản trị công ty.....	26
1.	Hội đồng quản trị	26
2.	Ban kiểm soát.....	28
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	29
VI.	Báo cáo tài chính	30
1.	Ý kiến kiểm toán	30
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	32

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Môi Trường và Công Trình đô thị Sơn Tây
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500239004 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/09/2008. Đăng kí thay đổi lần thứ 3 ngày 03/10/2014.
- Vốn điều lệ: 18.760.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 18.760.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 02 phố Phùng Hưng, phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (04) 3383 4530
- Số fax: (04) 3383 2183
- Website: <http://moitruongdothisontay.com.vn>
- Mã cổ phiếu: STU

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tiền thân là đội vệ sinh đô thị thuộc Ban xây dựng thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Ngày 22/12/1982, UBND thành phố Hà Nội ra quyết định số 5110 QĐ/UBND thành lập xí nghiệp công trình đô thị Sơn Tây là đơn vị sự nghiệp công cộng.

Năm 1991, thị xã Sơn Tây được chuyển về khi tái lập tỉnh Hà Tây. Xí nghiệp công trình đô thị Sơn Tây được đổi tên là Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây là đơn vị sự nghiệp công cộng(1992).

Ngày 13/12/1996, UBND tỉnh Hà Tây ra quyết định số 979 chuyển Công ty thành Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích có tên là Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.

Ngày 10/7/2008, UBND tỉnh Hà Tây ra quyết định số 2248/QĐ-UBND chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.

Ngày 11/09/2008, Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên được tổ chức và Công ty chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần số 0103026959 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu vào ngày 25 tháng 09 năm 2008.

Ngày 9/7/2009, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây đã đăng ký

trở thành công ty đại chúng.

Ngày 19/7/2010, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận số 174/2010/GCNCP-VSD chấp thuận cho Công ty được đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Ngày 17/03/2011, Công ty đã tiến hành bàn giao phần vốn nhà nước 36% về Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội (URENCO) theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội.

Ngày 29/07/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô Thị Sơn Tây. Số cổ phiếu chào bán là 750.400 cổ phần tương đương với 7.504.000.000 đồng (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Ngày 11/10/2011, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây đã hoàn thiện các thủ tục để xin cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần và ghi nhận phần vốn 7.504.000.000 đồng từ ngày 01/11/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 11.256.000.000 đồng lên 18.760.000.000 đồng.

Ngày 24/02/2012, Công ty phát hành thành công 750.400 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 11/04/2014, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và bầu nhiệm kỳ mới (2014-2018) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

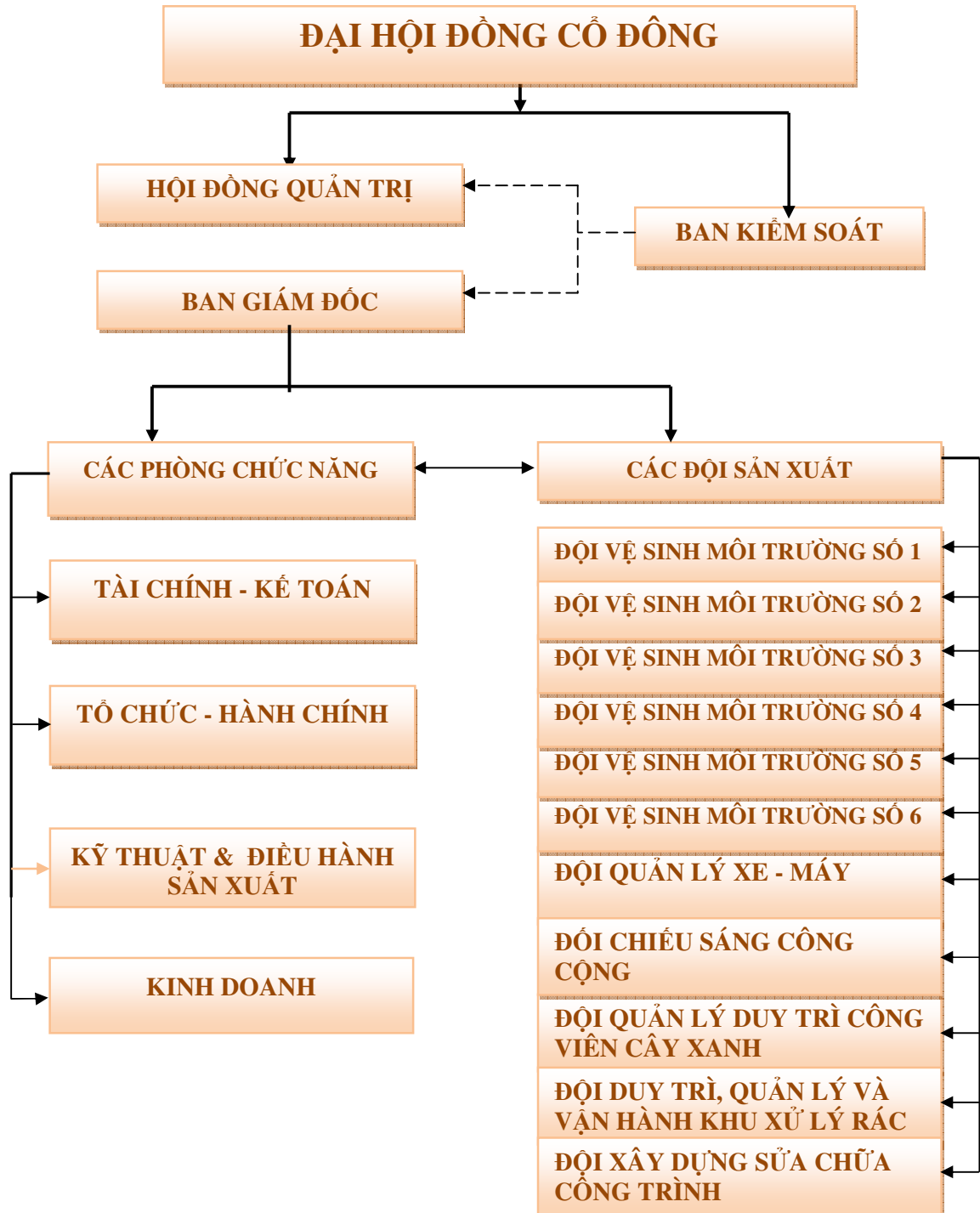
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề kinh doanh chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất từ năm 2013-2014 của Công ty là hoạt động: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Địa bàn kinh doanh (địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Thị xã Sơn Tây

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý.



❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội

đồng cổ đông có các quyền: thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát và các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Sơn Tây, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền như: quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty; quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện nay HĐQT của Công ty có 05 thành viên bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT.

Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch	Nguyễn Hải Vân
2	Phó Chủ tịch	Lê Văn Thục
3	Ủy viên	Vũ Ngọc Nghĩa
4	Ủy viên	Nguyễn Hồng Điệp
5	Ủy viên	Đoàn Hồng Quang

❖ **Ban kiểm soát (BKS)**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 3 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty; kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo, thẩm tra các báo cáo tài chính của công ty; đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc; các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty.

Cơ cấu BKS Công ty hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng ban	Khiếu Minh Đồng
2	Thành viên	Phạm Thiện Chiến
3	Thành viên	Nguyễn Thị Vân Anh

❖ **Ban Giám đốc**

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo luật pháp của công ty, có quyền: tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất của công ty, và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của công ty; đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với phó giám đốc, kế toán trưởng; thực hiện ký kết các hợp đồng theo quy định của pháp luật, báo cáo cho HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây ra tổn thất cho công ty; thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ về kế hoạch kinh doanh và đầu tư của công ty.

Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cơ cấu Ban giám đốc hiện nay như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Giám đốc	Lê Văn Thục
2	Phó giám đốc	Lê Văn Vũ
3	Phó giám đốc	Nguyễn Hồng Điệp
4	Phó giám đốc	Vũ Ngọc Nghĩa

❖ **Các phòng ban chức năng**

Hiện tại Công ty có 04 Phòng chức năng bao gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Kỹ thuật & Điều hành sản xuất và Phòng Kinh doanh. Các phòng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo trong việc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Các phòng chức năng có các Trưởng, Phó phòng trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của phòng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc

về các nhiệm vụ trên. Chức năng cụ thể của các phòng chức năng này như sau:

▪ **Phòng Tổ chức - Hành chính**

- Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty về công tác tổ chức bộ máy nhân sự và các công việc thuộc lĩnh vực hành chính của công ty.

- Các chức năng khác theo sự phân công của HĐQT, Ban Giám đốc, tùy theo tình hình thực tế công việc.

▪ **Phòng Tài chính – Kế toán**

- Tham mưu về lĩnh vực tài chính kế toán và thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán theo quy định pháp luật Nhà Nước và theo điều lệ hoạt động của công ty đảm bảo quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả; đồng thời tham mưu cho Giám đốc tìm mọi biện pháp kinh doanh có hiệu quả.

- Các chức năng khác theo sự phân công của HĐQT, Ban Giám đốc, tùy theo tình hình thực tế công việc.

▪ **Phòng Kinh doanh**

- Phòng Kinh doanh là phòng chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác nghiên cứu phát triển thị trường, xúc tiến kinh doanh, tổng hợp.

- Xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn công ty.

▪ **Phòng Kỹ thuật & điều hành sản xuất**

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ tham mưu cho lãnh đạo Công ty về quản lý: Kỹ thuật thiết bị - công nghệ môi trường và tham mưu cho lãnh đạo công ty về các công tác tổ chức điều hành sản xuất và quản lý chất lượng các lĩnh vực sản xuất của công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

4.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có

5. Định hướng phát triển

▪ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đề ra;

- Từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiết kiệm chi phí.

- Khai thác, sử dụng giữ gìn tốt phương tiện vận chuyển xe cơ giới để tiết kiệm tối đa chi phí. Rà soát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp điều kiện SXKD.

▪ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh nhưng có chọn lọc giữ vững phát huy thế mạnh truyền thống của công ty là dịch vụ vệ sinh môi trường và xử lý rác thải, tìm kiếm và phát triển các dự án mới.

▪ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty luôn chú trọng tiêu chí giữ gìn môi trường SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP.

6. Các rủi ro

❖ **Rủi ro nền kinh tế:**

Năm 2015 kết thúc với những dấu hiệu được cải thiện khá hơn so với năm 2014. Tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 6,68%, cao hơn nhiều so với mức mục tiêu là 6,2%. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Tuy nhiên, nền kinh tế còn tồn tại nhiều bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho kinh doanh như: khu vực doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước còn hạn chế, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu kinh tế còn chậm.

Bước sang năm 2016, việc kinh doanh của các Công ty trong lĩnh vực môi trường sẽ gặp thêm khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng. Từ năm 2016, các công trình vệ sinh công cộng sẽ được đưa ra đấu thầu để lựa chọn nhà thầu có chất lượng và giá cả tốt nhất nhằm tăng độ cạnh tranh cho ngành và tiết kiệm Ngân sách Nhà Nước. Từ đó các công ty trong ngành sẽ phải gia tăng chất lượng dịch vụ, cơ giới hóa từng bước và tạo mức giá cạnh tranh nhanh nhất. Những công ty không tự thay đổi sẽ mất đi công việc, khách hàng và dẫn tới tình trạng khó khăn.

Vấn đề bảo vệ môi trường hàng năm luôn được các cơ quan Trung Ương, các Bộ, Các Ban ngành quan tâm và thường xuyên có các hướng chỉ đạo tới các bộ phận ở cấp dưới, các doanh nghiệp trong ngành nâng cao ý thức giữ gìn và cải tạo môi trường nên cơ hội để các doanh nghiệp ngành môi trường phát triển các dịch vụ của mình là rất lớn. Đặc biệt, trong điều kiện Sơn Tây nay đã sáp nhập vào thành phố Hà Nội thì Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây nói riêng có rất nhiều thuận lợi để phát triển thị trường.

❖ **Rủi ro về pháp luật**

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy, pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông

lệ quốc tế. Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật. Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của Nhà nước, chính sách của các hiệp hội... đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin theo các văn bản pháp luật, các thông tư hướng dẫn, các văn bản này liên tục thay đổi yêu cầu doanh nghiệp phải nắm bắt được các nội dung của các văn bản mới để thực hiện tuân thủ nghĩa vụ Công bố thông tin đúng thời gian.

❖ **Rủi ro đặc thù**

Giá cả nguyên vật liệu là nhân tố tác động trực tiếp tới chi phí và lợi nhuận của Công ty, chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Công ty tăng nhanh, trong khi đơn giá đặt hàng Doanh nghiệp đã ký trước với đối tác không kịp thay đổi để phù hợp với mức giá cả trên thị trường. Do đó, điều này ảnh hưởng tới lợi nhuận của từng hợp đồng của Công ty.

Mặt khác, với hoạt động cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường nhằm mục đích đảm bảo vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, cảnh quan thành phố, hoạt động của Công ty chịu tác động trực tiếp của yếu tố khí hậu. Từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm, trên địa bàn thành phố luôn phải chịu ảnh hưởng từ những trận mưa bão tác động tới hệ thống cây xanh, gây gãy đổ, hỏng hệ thống đèn đường, lề đường. Đây là một yếu tố khách quan không thể tránh khỏi, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch 2015 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2015	TH năm 2015	Tỷ lệ % TH/KH năm 2015	Tỷ lệ % TH 2015/2014
1	Tổng doanh thu	tỷ VND	98	106,349	108,52%	102,82%
2	Tổng chi phí	tỷ VND	87,9	95,054	108,14%	111,39%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ VND	10,1	11,295	111,83%	62,39%
4	Thuế TNDN	tỷ VND		2,485		62,11%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ VND		8,809		62,47%

Trong năm 2015, nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi với nhiều màu sắc và tốc độ khác nhau. Trong nước nền kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp và tăng trưởng kinh tế (GDP) ước đạt 6,5%. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động trong Công ty đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn để thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ kinh doanh, phát triển an toàn hiệu quả. Kết thúc năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những thành tựu sau: Tổng Doanh thu đạt 106,3 tỷ đồng, đạt 108,52% so với kế hoạch, trong đó Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 104,8 tỷ đồng chiếm 98,58% trong Tổng Doanh thu của Công ty.

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 11,295 tỷ đồng, đạt 11,83% so với kế hoạch. Sở dĩ lợi nhuận trước thuế năm 2015 giảm 37,61% so với năm 2014 là do năm 2014 có một khoản thu nhập khác đến từ việc hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương Công ty đã trích lập năm 2013. Trên thực tế, hoạt động kinh doanh của công ty vẫn ổn định và có phần khởi sắc hơn so với năm 2014.

Năm 2015, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 8,8 tỷ đồng, giảm 37,53% so với năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách và lý lịch của thành viên Ban Giám đốc

- Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Giám đốc	Ông Lê Văn Thục
2	Phó giám đốc	Ông Lê Văn Vũ
3	Phó giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Điệp
4	Phó giám đốc	Ông Vũ Ngọc Nghĩa

❖ Lý lịch của các thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên	:	Lê Văn Thục
Số CMND	:	112008103 do CA Hà Tây cấp ngày 14/7/2004
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	15/10/1953
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Văn Giang – Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 17 – Phố Đốc Ngữ – Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư
Quá trình công tác		

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 9/1971 – 9/1972</i>	<i>: Học tại trường đại học ngoại ngữ Hà Nội</i>	
<i>Từ 10/1972 – 7/1976</i>	<i>: Học tại trường Đại học Giao thông Dresden – Cộng hoà dân chủ Đức</i>	
<i>Từ 4/1978</i>	<i>: Giáo viên trường Công nhân kỹ thuật – XNLH CT II</i>	
<i>Từ 1978 – 1988</i>	<i>: Phó trưởng phòng giáo vụ trường công nhân kỹ thuật I – Bộ Giao thông vận tải</i>	
<i>Từ 3/1988</i>	<i>: Công tác tại xí nghiệp Công trình Đô thị Sơn Tây – Hà Nội</i>	
<i>Từ 3/1993 – 9/2008</i>	<i>: Phó Giám đốc Công ty môi trường Đô thị Sơn Tây – Hà Tây</i>	
<i>Từ 10/2008 đến nay</i>	<i>: Phó chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội.</i>	
Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	20.000 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần

Họ và tên	:	Lê Văn Vũ
Số CMND	:	112353277 do CA Hà Tây cấp ngày 18/9/2006
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	18/10/1955
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phúc Thọ – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	:	Thanh Mỹ - Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
<i>Từ 10/1974 – 10/1977</i>	<i>Sở chỉ huy quân sự Hà Sơn Bình</i>
<i>Từ 11/1977 – 8/1982</i>	<i>Thị uỷ Sơn Tây</i>
<i>Từ 8/1982- 12/1989</i>	<i>UBND Thị xã Sơn Tây</i>
<i>Từ 8/1982- 12/1989</i>	<i>UBND Thị xã Sơn Tây</i>
<i>Từ 1/1990 – 11/1991</i>	<i>Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây</i>
<i>Từ 12/1991 – 3/2008</i>	<i>Đội trưởng đội MT4 - Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây</i>
<i>Từ 10/2008 đến 4/2014</i>	<i>Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội</i>
<i>Từ 5/2014 đến nay</i>	<i>Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây</i>
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	<i>: 14.282 cổ phần</i>
<i>Số cổ phần của người có liên quan</i>	<i>: 3.068 cổ phần</i>

Họ và tên	:	Nguyễn Hồng Điệp
Số CMND	:	111696794 do CA Hà Tây cấp ngày 27/2/2006
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	22/7/1958
Quốc tịch	:	Việt Nam

Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Thôn Thiều Xuân – Viên Sơn – Sơn Tây – Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Phường Phú Thịnh - Tx Sơn Tây – Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
<i>Từ 2/1976 – 2/1988</i>	<i>F 520 Bộ Tư lệnh Công Binh – Vĩnh Phú</i>
<i>Từ 3/1988– 9/2008:</i>	<i>Đội trưởng đội công viên cây xanh– Công ty Môi trường đô thị Sơn Tây</i>
<i>Từ 10/2008 đến 6/2013</i>	<i>Đội trưởng đội công viên cây xanh – Thành viên HĐQT Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội</i>
<i>Từ 7/2013 - nay</i>	<i>Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây</i>
Số cổ phần sở hữu	: 9.701 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phần

Họ và tên	: Vũ Ngọc Nghĩa
Số CMND	: 001079003779 cấp ngày 14/11/2014
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 25/06/1979
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Đông Quang – Ba Vì – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Đông Quang – Ba Vì – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
<i>Từ 6/2000 - 6/2001</i>	<i>Kế toán công ty XD và chế biến Lâm sản Đông Quang</i>

- Từ 6/2001 – 6/2004 : Trưởng phòng kế hoạch công ty XD và chế biến Lâm sản Đông Quang.
- Từ 6/2001 - 6/2004 : Phó Giám đốc công ty XD và chế biến Lâm sản Đông Quang - chủ tịch công đoàn ngành cơ sở thuộc công đoàn ngành xây dựng
- Từ 7/2004 - 11/2013 : Phó trưởng phòng KH - KT công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.
- Từ 01/2014 - 4/2014: : Thành viên HĐQT - Phó giám đốc công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Số cổ phần sở hữu : 311.054 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần

❖ **Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	:	Nguyễn Hải Vân
Số CMND	:	111410118 do CA ... cấp ngày 22/12/2007
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	16/08/1969
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Long Xuyên – Phúc Thọ - Hà Nội
Địa chỉ thường trú	:	Phố La Thành – Viên Sơn – Sơn Tây
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
Thời gian		Quá trình công tác
Từ 1990 -1997	:	Nhân viên công ty Cảng Sơn Tây
Từ 1998 - 4/2014	:	Cán bộ phòng kế hoạch - Phó phòng kế hoạch - Trưởng phòng tổ chức - Giám đốc điều hành - Chủ tịch HĐQT công ty CP Lâm sản Sơn Tây
Từ 11/04/2014 đến 03/09/2015	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Từ 04/09/2015 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Số cổ phần sở hữu : Cá nhân: 117.825 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 0

Họ và tên	Lê Văn Thục
Lý lịch	Như trên
Họ và tên	Vũ Ngọc Nghĩa
Lý lịch	Như trên
Họ và tên	Nguyễn Hồng Điệp
Lý lịch	Như trên

Họ và tên	: Đoàn Hồng Quang
Số hộ chiếu	: 111410118 B2419034, ngày cấp 01/07/2008, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/05/1962
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: 14 Nguyễn Thị Định, Thanh Xuân, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: 14 Nguyễn Thị Định, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 09/1985 đến 09/1995	: Đảng viên, tổ trưởng tổ bảo vệ công ty MTĐT Hà Nội
Từ 09/1995 đến 10/1998	: Phó ban – BQL bãi phế thải công ty MTĐT Hà Nội
Từ 10/1998 đến 05/2003	: Phó giám đốc, giám đốc xí nghiệp xử lý chất thải y tế - Công ty MTĐT Hà Nội.
Từ 05/2003 đến 08/2008	: Giám đốc xí nghiệp xử lý chất thải công nghiệp và y tế - Công ty MTĐT Hà Nội.
Từ 09/2008 đến 04/2010	: Giám đốc Công ty CP MTĐT và công nghiệp Bắc Sơn

Từ 04/2010 đến 04/2013	:	Giám đốc xí nghiệp chế biến phế thải Cầu Diễn – Công ty MTĐT Hà Nội
Từ 04/2013 đến 06/2014	:	Trưởng phòng ĐHSX&QLCL Công ty MTĐT Hà Nội
Từ 07/2014 đến 31/12/2014	:	Giám đốc xí nghiệp xử lý chất thải Nam Sơn (CN Nam Sơn) - Công ty MTĐT Hà Nội
Từ 01/2015 đến nay	:	Trưởng phòng ĐHSX&QLCL Công ty MTĐT Hà Nội
Số cổ phần sở hữu	:	Cá nhân: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0

❖ **Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	:	Khiếu Minh Đồng
Số CMND	:	112524658 do CA Hà Tây cấp ngày 9/7/2008
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	27/08/1970
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Ba Vì – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	:	Phường Lê Lợi - Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác		
Thời gian		Quá trình công tác
Từ 5/1994 – 12/1999	:	Công nhân CTy Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Từ 1/2000 – 12/2004	:	Nhân viên thu phí tại Công ty Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Từ 1/2005 – 5/2006	:	Công nhân CT Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Từ 6/2006 – 9/2008	:	Đội phó đội môi trường số 4 - Công ty Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Từ 10/2008 đến 4/2012	:	Đội phó đội môi trường số 4 - Ủy viên Ban Kiểm Soát – C.ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Từ 04/2012 đến 4/2014	:	Đội trưởng đội xử lý rác - Ủy viên Ban Kiểm Soát - Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Từ 4/2014 đến nay	:	Đội trưởng đội xử lý rác - Trưởng Ban Kiểm Soát - Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Số cổ phần sở hữu	:	Cá nhân: 5.956 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0

Họ và tên	:	Phạm Thiện Chiến
Số CMND	:	012175354 do CA Hà Nội cấp ngày 11/10/2012
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	04/09/1969
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	:	P1602 – 17T4 Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác	
Từ 2004 đến nay	: Chủ tịch HĐQT công ty CP Xanh Hà Nội	
Từ 2004 đến nay	: Giám đốc công ty TNHH Thương mại Tân Đại Lược Hà Nội	
Từ 2012 đến nay	: Ban điều hành nhà máy xử lý rác thải HTX Thành Công tại xã Xuân Sơn - Sơn Tây - Hà Nội	
Từ 04/2014 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát	
Số cổ phần sở hữu	:	Cá nhân: 40.833 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0

Họ và tên	:	Nguyễn Thị Vân Anh
Số CMND	:	111529196 do CA Hà Nội cấp ngày 25/05/2013
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	29/02/1980
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phụng Châu – Chương Mỹ - Hà Nội
Địa chỉ thường trú	:	Nghĩa Phủ – Trung Hưng - Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư

Quá trình công tác	
Thời gian	Quá trình công tác
Từ 04/2007 - 04/2010	: Chuyên viên Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Từ 05/2010 - 12/2012	: Chuyên viên Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây - Ủy viên BKS
Từ 12/2012 - 11/2014	: Phó phòng kế hoạch - kỹ thuật Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây - Ủy viên BKS
Từ 12/2014 đến nay	: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây - Ủy viên BKS
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân: 5.891 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 25/08/2015 về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Xuân Huynh.
- Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 03/09/2015 của Hội đồng quản trị về việc: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hải Vân – Ủy viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.
- Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 13/11/2015 của Hội đồng quản trị về việc: Bổ nhiệm Ông Đoàn Hồng Quang giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

TT	Nội dung	Số người
1	Trình độ đại học	39
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	60
3	Công nhân kỹ thuật	52
4	Lao động phổ thông	397
Tổng cộng		548

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Đầu tư mua sắm 01 xe ô tô chở rác và 01 xe tưới nước rửa đường để phục vụ SXKD
- Các công ty con, công ty liên kết: *Không có.*

4. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản (đồng)	80.743.872.478	83.712.902.973	3,67%
Doanh thu thuần (đồng)	95.258.507.658	104.842.124.717	10,00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (đồng)	11.981.291.835	11.027.647.527	-7,96%
Lợi nhuận khác (đồng)	6.121.220.775	267.009.091	-95,64%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	18.102.512.610	11.294.656.618	-37,60%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	14.101.288.345	8.809.832.163	-37,50%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%		

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4,12	3,89
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	4,08	3,79
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	21,2%	22,66%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	27,3%	29,41%

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.17	1,25
+ Vòng quay hàng tồn kho:	101	69,09
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14,8%	8,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22,8%	13,66%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	17,46%	10,52%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	12,58%	10,52%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Cổ phần

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.876.000

+ Cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.816.389 cổ phần

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 59.611 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu:	18.760.000	100
- Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên (bao gồm cổ đông sáng lập là cổ đông lớn):	10.267.790	54,73
- Cổ đông lớn nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu:	3.319.050	17,69
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	5.173.160	27,58
Trong đó:		
- Nhà nước:	4.858.930	25,90
- Người nước ngoài:	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi trong năm 2015

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 công ty đã đạt được kết quả SXKD với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2015	TH năm 2015	Tỷ lệ % TH/KH năm 2015	Tỷ lệ % TH 2015/2014
1	Tổng doanh thu	tỷ VND	98	106,349	108,52%	102,82%
2	Tổng chi phí	tỷ VND	87,9	95,054	108,14%	111,39%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ VND	10,1	11,295	111,83%	62,39%
4	Thuế TNDN	tỷ VND		2,485		62,11%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ VND		8,809		62,47%

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015:

Năm 2015, dưới sự chỉ đạo của Ban giám đốc, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều hoàn thành vượt kế hoạch. Cụ thể, Tổng Doanh thu năm 2015 đạt 106,3 tỷ đồng, đạt 108,52% so với kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 11,295 tỷ đồng, đạt 11,83% so với kế hoạch. Đây là một dấu hiệu tốt, chứng tỏ công tác quản lý của Ban giám đốc ngày càng được cải thiện.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

TT	Nội dung	2014	2015	Tỷ lệ thay đổi 2015 so với 2014
1	Tổng tài sản	80.743.872.478	83.712.902.973	3,68%
2	Tài sản ngắn hạn	70.683.834.192	73.714.517.297	4,29%
3	Phải thu ngắn hạn	34.773.631.933	36.560.752.642	15,13%
4	Tài sản dài hạn	10.060.038.286	9.998.385.676	-0,6%
5	Phải thu dài hạn	-	-	-

Tính đến ngày 31/12/2015, tổng tài sản của Công ty là 83.712.902.973 đồng, tăng 3,68% so với đầu năm. Nguyên nhân là do trong năm 2015 công ty đã đầu tư mua sắm thêm một số phương tiện vận tải truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ thay đổi 2015 so với 2014
I. Nợ ngắn hạn	17.147.467.622	18.970.614.171	10,6%
1. Vay và nợ ngắn hạn	-	-	
2. Phải trả người bán	6.488.511.294	6.092.407.205	-6,1%
3. Người mua trả tiền trước	-	-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.969.578.542	2.811.936.276	-5,3%
5. Phải trả người lao động	4.965.648.000	6.468.037.500	30,26%
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	495.271.200	2.265.792.604	357,5%
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.228.458.586	1.332.440.586	-40,2%
II. Nợ dài hạn	-	-	

Hiện tại, các khoản nợ của Công ty chỉ là nợ ngắn hạn song có xu hướng tăng trong năm 2015 (tăng 10,6% so với năm 2014 và đạt 18.970.614.171 đồng). Trong khi các khoản thuế, phải trả người bán giảm thì khoản phải trả phải nộp khác lại gia tăng đáng kể với tỷ lệ 357,5%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Từng bước tổ chức lại Doanh nghiệp phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy được năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

▪ Các biện pháp kiểm soát của Công ty

- Đánh giá kết quả công việc thực hiện của từng cán bộ công nhân viên trong Công ty ngày càng nghiêm túc hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc. Hằng năm mức cạnh tranh của về lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc, trách nhiệm của từng người sẽ được đánh giá lại, xem xét và điều chỉnh cho phù hợp.

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình thanh toán, theo dõi công nợ và quy trình xuất- nhập vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016: Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và dự báo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016, kế hoạch sản xuất kinh

doanh Ban lãnh đạo Công ty đề ra cho năm 2016 như sau:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nâng cao năng lực tham mưu, điều hành của các phòng chức năng và các đội sản xuất trong công ty. Sắp xếp, kiện toàn lại các phòng chức năng, các đội sản xuất... đảm bảo chuẩn bị tốt nhất sẵn sàng tham gia đấu thầu các gói hàng của năm 2016 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế trả lương, thưởng phù hợp với quy định mới của pháp luật, định hướng phát triển SXKD của công ty.

Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ, tay nghề của công nhân.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015 HĐQT của nhiệm kỳ II có sự thay đổi về mặt nhân sự, số lượng 5 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia trực tiếp hoạt động điều hành SXKD tại công ty và 02 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành SXKD vẫn được duy trì xong Chủ tịch HĐQT Nguyễn Xuân Huynh vì lý do công việc đã có đơn xin từ nhiệm chức danh chủ tịch HĐQT, thôi không là thành viên HĐQT kể từ ngày 25/08/2015. Ngay sau đó HĐQT đã họp và nhất trí bổ nhiệm ông Nguyễn Hải Vân – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2 giữ chức Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 04/09/2015, đồng thời đã bầu bổ sung ông Đoàn Hồng Quang người đại diện 25,9% vốn nhà nước tại công ty là thành viên HĐQT kể từ ngày 13/11/2015. Ngay sau khi kiện toàn HĐQT đã xây dựng hoàn thiện quy chế hoạt động của HĐQT - sự phối hợp giữa HĐQT với Ban giám đốc điều hành - Ban kiểm soát và Nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT.

Trong năm qua HĐQT hoạt động tích cực, phát huy được tinh thần trách nhiệm của từng thành viên. Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường niên của HĐQT và đóng góp những ý kiến sát thực về công tác tổ chức, công tác cán bộ cũng như điều hành hoạt động SXKD

HĐQT hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành 13 phiên họp, ra 10 Nghị quyết, 02 Quyết định phục vụ điều hành SXKD, kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm cán bộ. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định, mở rộng tới trưởng ban kiểm soát, các trưởng phòng chức

năng cùng tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến vì vậy tất cả các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành có tính định hướng, chỉ đạo sát thực tế phù hợp với hoạt động SXKD tại công ty.

HĐQT phân công trách nhiệm các thành viên trong HĐQT và Ban giám đốc, thường xuyên giám sát tạo điều kiện để Ban giám đốc điều hành tổ chức thực thi các Nghị quyết của HĐQT góp phần quan trọng vào việc ổn định tổ chức, ổn định sản xuất sau một năm hoạt động. Do đó năm 2015 đã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Năm 2015, cùng với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên và lãnh đạo Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những thành tựu đáng kể, các chỉ tiêu về Doanh thu, lợi nhuận đều tăng so với kế hoạch đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015. Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 là: 8%/mệnh giá.

Căn cứ nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015, cùng với những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế như đã nêu, trong năm qua HĐQT Công ty đã theo dõi những biến động của thị trường và chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động điều hành thông qua những nghị quyết cụ thể.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT tổ chức các cuộc họp thường kỳ để triển khai các kế hoạch SXKD của tháng, quý. Tại các buổi họp HĐQT đều ra các nghị quyết và phân công các thành viên HĐQT, Ban giám đốc chịu trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

Tại các buổi họp HĐQT thường kỳ tháng kế tiếp HĐQT nghe thành viên trong Ban giám đốc báo cáo việc triển khai các nhiệm vụ theo nghị quyết đã được phân công.

Chỉ đạo Ban giám đốc và các tiểu ban thuộc HĐQT tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2015.

Một số thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao Ban của Giám đốc định kỳ tuần, tháng, quý. Việc Giám sát HĐQT đối với Ban giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm 2015.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Duy trì đều đặn các kỳ họp thường kỳ hàng tháng để kịp thời triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đồng thời đề ra nhiệm vụ SXKD để ban giám đốc thực hiện.

Chỉ đạo từng bước thực hiện công tác tổ chức, công tác cán bộ theo phù hợp điều kiện SXKD mới. Yêu cầu thực hiện rà soát, hoàn thiện hồ sơ năng lực (phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị chuyên dùng, nhân lực, tài chính...) sẵn sàng tham gia đấu thầu.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động của công ty đảm bảo phù hợp với các quy định mới của Pháp luật, nhằm nâng cao công tác quản trị và của ban giám đốc trong điều hành mọi hoạt động SXKD của công ty.

Chỉ đạo tập trung nghiên cứu sâu hơn các lĩnh vực SXKD mới như: xử lý phân bùn bể phốt; xử lý rác, lập đề án trình ĐHCĐ quyết định đầu tư.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Hải Vân
2	Phó chủ tịch HĐQT	Ông Lê Văn Thục
3	Thành viên HĐQT	Ông Vũ Ngọc Nghĩa
4	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Hồng Điệp
5	Thành viên HĐQT	Ông Đoàn Hồng Quang

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

- HĐQT tổ chức các cuộc họp thường kỳ để triển khai các kế hoạch SXKD của tháng, quý. Tại các buổi họp HĐQT đều ra các nghị quyết và phân công các thành viên HĐQT, Ban giám đốc chịu trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.
- Tại các buổi họp HĐQT thường kỳ tháng kế tiếp HĐQT nghe thành viên trong Ban giám đốc báo cáo việc triển khai các nhiệm vụ theo nghị quyết đã được phân công và báo cáo kết quả SXKD theo quý, 6 tháng, 9 tháng đầu năm 2015 và các công việc phát sinh khác.
- Chỉ đạo Ban giám đốc và các tiểu ban thuộc HĐQT tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2015.
- Một số thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao của Ban giám đốc định kỳ tuần, tháng, quý. Việc giám sát HĐQT đối với Ban giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động SXKD hàng quý.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- **Ban kiểm soát:**
 - Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT thường niên hàng tháng và kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong ghi sổ kế toán và báo cáo tài chính công ty.
 - Báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Ban Thư ký:**

- Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát và chuẩn bị tài liệu các cuộc họp;
- Ghi biên bản các cuộc họp và ra thông báo, nghị quyết các kỳ họp của HĐQT;
- Tư vấn về các thủ tục cuộc họp.

 **Hoạt động của Thành viên HĐQT :**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Xuân Huynh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	11	84,62	Thôi chức danh Chủ tịch HĐQT, không là thành viên HĐQT từ ngày 25/08/2015
2	Nguyễn Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	13	100	Bắt đầu chức danh chủ tịch HĐQT từ ngày 03/09/2015
3	Lê Văn Thục	Thành viên HĐQT	13	100	
4	Vũ Ngọc Nghĩa	Thành viên HĐQT	13	100	
5	Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên HĐQT	13	100	
6	Đoàn Hồng Quang	Thành viên HĐQT	3	27,27	Bắt đầu chức danh thành viên HĐQT từ ngày 13/11/2015

 **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị**

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
I	Nghị quyết		
1	01/NQ-HĐQT	13/01/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 13/01/2015
2	02/NQ-HĐQT	09/02/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 09/02/2015
3	03/NQ-HĐQT	13/03/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 13/03/2015
4	04/NQ-HĐQT	31/03/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 31/03/2015
5	04A/NQ-HĐQT	20/04/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 20/04/2015
6	05/NQ-HĐQT	02/05/2015	Nghị quyết HĐQT về việc trả cổ tức đợt 2/2014
7	06/NQ-HĐQT	11/06/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 11/06/2015

8	07/NQ-HĐQT	28/07/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 28/07/2015
9	08/NQ-HĐQT	25/08/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 25/08/2015 về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Xuân Huynh.
10	09/NQ-HĐQT	03/09/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 03/09/2015 của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hải Vân – Ủy viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.
11	10/NQ-HĐQT	13/11/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 13/11/2015 của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Ông Đoàn Hồng Quang giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị.
II Quyết định			
1	01/QĐ-HĐQT	13/01/2015	QĐ v/v bổ nhiệm cán bộ Nguyễn Thành Lâm – Đội trưởng đội điện CSCC
2	02/QĐ-HĐQT	10/12/2015	QĐ v/v bổ nhiệm cán bộ Nguyễn Thị Vân – Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính

🚧 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty năm 2015: Không có

2. Ban kiểm soát

🚧 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng ban	Ông Khiếu Minh Đồng
2	Thành viên	Ông Phạm Thiện Chiến
3	Thành viên	Bà Nguyễn Thị Vân Anh

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 đã thực hiện các công việc giám sát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty. Thực hiện tốt quy chế làm việc, mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị - Ban giám đốc – Ban kiểm soát. Các thành viên trong BKS được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Ban kiểm soát tổ chức các thành viên họp định kỳ và đột xuất để tổng kết các công việc đã triển khai và thống nhất nội dung cũng như các ý kiến đưa ra trong các phiên họp HĐQT.

- BKS được HĐQT - BGD công ty mời tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, BGD, Tham gia đóng góp ý kiến vào việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015; Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2015 cũng như các buổi họp thường kỳ hàng tháng; Họp đột xuất về việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD của công ty.

- Kiểm tra giám sát việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015, các QĐ của giám đốc công ty đối với cán bộ, công nhân lao động và các bộ phận chuyên môn.

- Ban kiểm soát kiểm tra, xem xét các báo cáo sơ, tổng kết hoạt động SXKD, số kế toán và báo cáo tài chính năm 2015.

- Kiểm soát việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tổ chức hoạt động SXKD của HĐQT, BGD công ty theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

- Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát đầu tư XDCB, mua sắm, thanh lý, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị của công ty.

- Giám sát việc trích lập các quỹ, bảo toàn và phát triển nguồn vốn và cổ tức cho các cổ đông.

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc thực thi, công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2015 (đồng)	Quyết toán 2015 (đồng)	So sánh % Kế hoạch/Quyết toán
1	Hội đồng quản trị	360.000.000	350.000.000	97,22
2	Ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000	100
	Tổng cộng	480.000.000	470.000.000	97,92

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Vũ Ngọc Nghĩa	CĐNB	245.400	13,08	311.054	16,58	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Không có.*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: HĐQT và ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các quy định trong Điều lệ công ty, các quy định về quản trị công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý

có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

(Đã ký)

(Đã ký)

Lưu Anh Tuấn

Số giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1026-2014-045-1

Nguyễn Tiến Thành

Số giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1706-2014-045-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		73.714.517.297	70.683.834.192
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	19.314.054.448	35.148.112.142
1	Tiền	111		3.175.808.254	13.148.112.142
2	Các khoản tương đương tiền	112		16.138.246.194	22.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.000.000.000	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	16.000.000.000	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.560.752.642	34.773.631.933
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	32.304.373.916	28.702.568.176
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.860.000.000
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.000.000.000	3.000.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.275.182.720	1.229.867.751
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(18.803.994)	(18.803.994)
IV	Hàng tồn kho	140		1.740.406.366	762.090.117
1	Hàng tồn kho	141	V.05	1.740.406.366	762.090.117
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		99.303.841	-
1	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		99.303.841	-
B	Tài sản dài hạn	200		9.998.385.676	10.060.038.286
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		7.842.385.506	8.033.010.436
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	7.842.385.506	8.033.010.436
	- Nguyên giá	222		47.007.806.372	43.882.426.291
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.165.420.866)	(35.849.415.855)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		365.321.000	365.321.000
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	365.321.000	365.321.000
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.790.679.170	1.661.706.850
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.790.679.170	1.661.706.850
	Tổng cộng tài sản	270		83.712.902.973	80.743.872.478

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		18.970.614.171	17.147.467.622
I	Nợ ngắn hạn	310		18.970.614.171	17.147.467.622
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	6.092.407.205	6.488.511.294
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.811.936.276	2.969.578.542
3	Phải trả người lao động	314		6.468.037.500	4.965.648.000
4	Phải trả ngắn hạn khác	319		2.265.792.604	495.271.200
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.332.440.586	2.228.458.586
II	Nợ dài hạn	330		-	-
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		64.742.288.802	63.596.404.856
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	64.502.844.100	62.825.197.950
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.760.000.000	18.760.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.760.000.000	18.760.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		9.965.000	9.965.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		31.413.269.977	27.183.269.977
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.319.609.123	16.871.962.973
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.509.776.960	2.685.804.217
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.809.832.163	14.186.158.756
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.12	239.444.702	771.206.906
1	Nguồn kinh phí	431		(26.436.500)	(26.436.500)
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		265.881.202	797.643.406
	Tổng cộng nguồn vốn	440		83.712.902.973	80.743.872.478

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

BÙI THỊ THU HOÀI

VŨ KIM HOA

LÊ VĂN THỰC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	104.850.797.444	95.281.198.567
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	8.672.727	22.690.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.03	104.842.124.717	95.258.507.658
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	86.444.337.383	77.035.616.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.397.787.334	18.222.891.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.239.961.852	1.970.762.004
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	1.333.333	1.932.132
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.333.333</i>	<i>1.932.132</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.608.768.326	8.210.429.345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		11.027.647.527	11.981.291.835
11. Thu nhập khác	31	VI.07	267.009.091	6.502.876.481
12. Chi phí khác	32		-	381.655.706
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		267.009.091	6.121.220.775
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.294.656.618	18.102.512.610
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.484.824.455	4.001.224.265
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.809.832.163	14.101.288.345
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	4.696	7.517
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

BÙI THỊ THU HOÀI

VŨ KIM HOA

LÊ VĂN THỰC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	109.523.686.797	96.283.051.970
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(43.823.622.275)	(36.897.016.669)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(48.110.877.099)	(43.399.144.116)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(1.333.333)	(1.932.132)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(3.347.951.247)	(5.846.865.543)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.071.568.872	2.293.570.020
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9.504.171.262)	(11.141.740.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.807.300.453	1.289.923.475
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.463.818.181)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	146.898.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.200.000.000)	(4.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17.200.000.000	1.839.784.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.239.961.852	51.937.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.076.958.147)	(2.608.279.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.000.000.000	1.953.583.359
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	(1.953.583.359)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.564.400.000)	(6.630.118.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.564.400.000)	(6.630.118.370)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(15.834.057.694)	(7.948.473.895)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.148.112.142	43.096.586.037
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.314.054.448	35.148.112.142

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

BÙI THỊ THU HOÀI

VŨ KIM HOA

LÊ VĂN THỰC

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 10 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0500239004.

Vốn điều lệ của Công ty là: 18.760.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Cổ đông nhà nước	485.893	4.858.930.000	25,9%
2	Cổ đông khác	1.390.107	13.901.070.000	74,1%
Tổng		1.876.000	18.760.000.000	100%

Các hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:

Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị; Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng; Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông; Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ; Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ; Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính của các quý trước, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến đoạn trình bày dưới đây.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính này như đã trình bày tại Thuyết minh số VII.3.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử

dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu (tiếp theo)

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

11. Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 22%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác (tiếp theo)

chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	332.099.561	502.627.551
Tiền gửi ngân hàng	2.843.708.693	12.645.484.591
Các khoản tương đương tiền	16.138.246.194	22.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Agribank CN Sơn Tây	5.000.000.000	13.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Teckcombank CN Sơn Tây	5.118.246.194	9.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại BIDV CN Sơn Tây	6.020.000.000	-
Cộng	<u>19.314.054.448</u>	<u>35.148.112.142</u>

2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>16.000.000.000</i>	-
Tiền gửi có kỳ hạn	16.000.000.000	-
Cộng	<u>16.000.000.000</u>	<u>-</u>

3 Phải thu của khách hàng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>17.487.908.590</i>	<i>15.461.718.494</i>
Ban đầu tư XD thị xã Sơn Tây	14.816.465.326	13.240.849.682
Ban duy tu Sở XD	10.214.525.280	9.730.715.000
Phòng tài nguyên và môi trường huyện Phúc Thọ	4.019.676.000	4.961.204.000
Ban QLDA duy tu hạ tầng giao thông	988.332.000	-
Phòng quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	789.851.500	497.291.500
Ban quản lý các dự án ĐTXD TN và MT Hà Nội	593.443.000	-
Hợp tác xã Thành Công	109.946.994	18.803.994
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quang Minh	132.122.000	76.824.000
Công ty CP dịch vụ môi trường Thăng Long	411.165.816	-
Đối tượng khác	228.846.000	176.880.000
Cộng	<u>32.304.373.916</u>	<u>28.702.568.176</u>

4 Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn	1.275.182.720	-	1.229.867.751	-
Ký quỹ, ký cược	273.076.000	-	11.238.000	-
Ban duy tu các công trình hạ tầng đô thị (cho vay mượn kinh phí tạm cư, phun thuốc)	974.295.720	-	708.877.851	-
Phải thu khác	27.811.000	-	509.751.900	-
	1.275.182.720	-	1.229.867.751	-

5 Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	524.419.474	-	328.301.402	-
Công cụ, dụng cụ	5.250.000	-	7.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.098.214.300	-	168.650.000	-
Thành phẩm	112.522.592	-	258.138.715	-
Cộng	1.740.406.366	-	762.090.117	-

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.020.237.000	25.543.824.677	30.000.000	784.041.600	13.504.323.014	43.882.426.291
- Mua trong năm	-	3.381.818.181	82.000.000	-	-	3.463.818.181
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(338.438.100)	-	(338.438.100)
Số dư cuối năm	4.020.237.000	28.925.642.858	112.000.000	445.603.500	13.504.323.014	47.007.806.372
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						-
Số dư đầu năm	2.063.198.354	20.509.944.203	30.000.000	539.593.690	12.706.679.608	35.849.415.855
- Khấu hao trong năm	406.882.896	2.543.995.507	3.384.129	168.418.375	531.762.204	3.654.443.111
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(338.438.100)	-	(338.438.100)
Số dư cuối năm	2.470.081.250	23.053.939.710	33.384.129	369.573.965	13.238.441.812	39.165.420.866
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						-
1. Tại ngày đầu năm	1.957.038.646	5.033.880.474	-	244.447.910	797.643.406	8.033.010.436
2. Tại ngày cuối năm	1.550.155.750	5.871.703.148	78.615.871	76.029.535	265.881.202	7.842.385.506

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Đầu tư xây dựng trụ sở tòa nhà đa chức năng đồng đôi hươu	212.385.000	212.385.000
Khoản khảo sát nâng cấp trụ sở công ty	152.936.000	152.936.000
Cộng	<u><u>365.321.000</u></u>	<u><u>365.321.000</u></u>

8 Chi phí trả trước

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Dài hạn	1.790.679.170	1.661.706.850
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.790.679.170	1.661.706.850
Cộng	<u><u>1.790.679.170</u></u>	<u><u>1.661.706.850</u></u>

9 Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	6.092.407.205	6.092.407.205	6.488.511.294	6.488.511.294
Cty TNHH thương mại Anh Minh	35.643.750	35.643.750	-	-
Hoàng Minh Tuấn	169.300.000	169.300.000	-	-
Mua ngoài nhỏ lẻ	388.026.000	388.026.000	-	-
Nguyễn Văn Tú	204.750.000	204.750.000	-	-
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quang Minh	4.844.472.000	4.844.472.000	6.086.219.484	6.086.219.484
Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hoài	97.010.380	97.010.380	-	-
Công ty TNHH đầu tư Tiến Vũ	42.845.000	42.845.000	-	-
Công ty TNHH tư vấn đầu tư XD và Môi trường	122.615.000	122.615.000	-	-
Đối tượng khác	187.745.075	187.745.075	402.291.810	402.291.810
	6.092.407.205	6.092.407.205	6.488.511.294	6.488.511.294

10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	1.351.938.602	8.170.191.490	7.445.838.244	2.076.291.848
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.605.031.590	2.478.564.085	3.347.951.247	735.644.428
- Thuế thu nhập cá nhân	12.608.350	251.596.165	264.204.515	-
	2.969.578.542	10.900.351.740	11.057.994.006	2.811.936.276

11. Vốn chủ sở hữu

11.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
- Số dư đầu năm trước	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	25.595.474.628	59.900.709.605
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	-	14.101.288.345	14.101.288.345
- Trích lập các quỹ	-	-	11.648.000.000	-	(17.472.000.000)	(5.824.000.000)
- Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(5.252.800.000)	(5.252.800.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
- Số dư cuối năm trước	18.760.000.000	9.965.000	23.776.757.977	3.406.512.000	16.871.962.973	62.825.197.950
- Số dư đầu năm nay	18.760.000.000	9.965.000	27.183.269.977		16.871.962.973	62.825.197.950
- Tăng vốn trong năm nay			-	-	-	-
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	-	8.809.832.163	8.809.832.163
- Tăng khác	-	-			-	-
- Trích lập các quỹ	-		4.230.000.000	-	(7.755.000.000)	(3.525.000.000)
- Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(3.564.400.000)	(3.564.400.000)
- Giảm khác	-	-	-		(42.786.013)	(42.786.013)
Số dư cuối năm nay	18.760.000.000	9.965.000	31.413.269.977	-	14.319.609.123	64.502.844.100

11.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	18.760.000.000	18.760.000.000
+ Vốn góp đầu năm	18.760.000.000	18.760.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.760.000.000	18.760.000.000
Cộng	<u>18.760.000.000</u>	<u>18.760.000.000</u>

11.3. Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	<u>1.876.000</u>	<u>1.876.000</u>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

11.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	31.413.269.977	27.183.269.977
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

12. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số dư đầu năm	(26.436.500)	797.643.406	771.206.906
<i>Giảm do trích khấu hao</i>	-	(531.762.204)	(531.762.204)
Số dư cuối năm	(26.436.500)	265.881.202	239.444.702

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	1.145.678.195	1.190.645.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.705.119.249	94.090.553.114
Cộng	104.850.797.444	95.281.198.567
2 Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	8.672.727	22.690.909
Cộng	8.672.727	22.690.909
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng hoá	1.145.678.195	1.190.645.453
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	103.696.446.522	94.067.862.205
Cộng	104.842.124.717	95.258.507.658
4 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.099.081.669	1.160.338.343
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.345.255.714	75.875.278.007
Cộng	86.444.337.383	77.035.616.350
5 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.239.961.852	1.970.762.004
Cộng	1.239.961.852	1.970.762.004
6 Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	1.333.333	1.932.132
Cộng	1.333.333	1.932.132

7 Thu nhập khác		Năm nay	Năm trước
		<u>146.898.182</u>	<u>30.988.186</u>
	Thanh lý tài sản	146.898.182	30.988.186
	Doanh thu từ các năm trước	-	296.785.295
	Thu nhập khác	<u>120.110.909</u>	<u>6.175.103.000</u>
	Cộng	<u>267.009.091</u>	<u>6.502.876.481</u>
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Năm nay	Năm trước
	Chỉ tiêu	<u>11.294.656.618</u>	<u>18.102.512.610</u>
	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.294.656.618	18.102.512.610
	Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	84.870.411
	Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
	Thu nhập chịu thuế	11.294.656.618	18.187.383.021
	Thuế TNDN phải nộp - 22%	<u>2.484.824.455</u>	<u>4.001.224.265</u>
	Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)	<u>2.484.824.455</u>	<u>4.001.224.265</u>
9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm nay	Năm trước
	Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty	<u>8.809.832.163</u>	<u>14.101.288.345</u>
	Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
	Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty	8.809.832.163	14.101.288.345
	Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm (*)	1.876.000	1.876.000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.696	7.517

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

2. Phân loại lại số liệu tương ứng

Số dư đầu năm của một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Chỉ tiêu theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Số tiền
Đầu tư ngắn hạn	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	Các khoản phải thu khác	11.238.000
Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	3.406.512.000

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

BÙI THỊ THU HOÀI

VŨ KIM HOA

LÊ VĂN THỰC

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

LÊ VĂN THỰC